

Bản án số: 10/2023/HS-ST
Ngày: 01/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khải Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Khánh.
2. Ông Đinh Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2023/TLST-HS ngày 12/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HS ngày 30/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/HSST-QĐ ngày 14/02/2023 đối với bị cáo:

Trần Ngọc Q (Tên gọi khác: Không), sinh năm 2004 tại Ninh Thuận.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn ĐN, xã NS, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc T và bà Đặng Thị H; Vợ, con: chưa có.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Hoàng Thị L, sinh năm: 1994 (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn ĐN, xã NS, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận.

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Thế D, sinh năm: 1985 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: LB, AH, NH, Ninh Thuận.

2. Chị Đặng Thị H, sinh năm: 1980 (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn ĐN, xã NS, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 06/11/2022, Bị cáo Trần Ngọc Q thấy nhà chị Hoàng Thị L không có người ở nhà nên nảy sinh ý định vào nhà chị L trộm cắp tài sản bán lấy tiền trả nợ. Q leo qua hàng rào lưới B40 vào nhà chị L, đi đến cửa chính dùng tay giật tay nắm cửa, làm gãy tay nắm cửa, nhưng không mở được cửa vào nhà nên Q đi vòng ra cửa sau, dùng hai tay kéo tôn cánh cửa cho rộng ra rồi chui vào nhà, đến phòng ngủ lục tủ quần áo tìm kiếm tài sản có giá trị, bị cáo phát hiện một cái hộp màu đen bên trong có 01 chiếc nhẫn đeo tay đính đá CZ-WHI RD3.0mmx1- Đá CZ-10KWW-2.051-12. Bị cáo lấy chiếc nhẫn bỏ vào túi quần, rồi đi theo lối vào cũ về nhà cất giấu. Ngày 08/11/2022, Công an xã NS nghi ngờ Q trộm cắp chiếc nhẫn của chị L nên mời Q lên làm việc, Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp lại chiếc nhẫn trộm cắp của chị L cho Công an.

Tại kết luận định giá tài sản số 18 ngày 08/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Ninh Sơn kết luận: 01 chiếc nhẫn đeo tay đính đá CZ-WHI RD3.0mmx1- Đá CZ-10KWW-2.051-12 trị giá 4.230.000 đồng.

Cáo trạng số: 02/CT-VKS-NS ngày 10/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện NS, tỉnh Ninh Thuận đã truy tố bị cáo Trần Ngọc Q về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã trình bày tại Cơ quan Cảnh sát điều tra. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NS vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; các điểm **h, i, s** khoản 1 Điều 51, **khoản 2 Điều 51**, Điều **65** của Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo mức án tù 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Về thu giữ, tạm giữ đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra tạm giữ, sau đó trả lại 01 chiếc nhẫn đeo tay đính đá CZ-WHI RD 3.0mmx1- Đá CZ-10KWW-2.051-12 cho chủ sở hữu là bị hại Hoàng Thị Lý.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Hoàng Thị L đã nhận lại tài sản và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: “Bị cáo rất ăn năn, hối cải, xin lỗi gia đình, xin lỗi chị Lý và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện NS, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện NS, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 06/11/2022, tại nhà chị Hoàng Thị L ở thôn ĐN, xã NS, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, bị cáo Trần Ngọc Q đã có hành vi lén lút lấy trộm: 01 chiếc nhẫn đeo tay có đính đá CZ-WHI RD3.0mmx1- Đá CZ-10KWW-2.051-12 trị giá 4.230.000 đồng của chị L.

[3] Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số: 02/CT-VKS-NS ngày 10/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện NS, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương nên phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, bị cáo không có tiền tiết tăng nặng nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên HĐXX áp dụng điều 65 Bộ luật hình để xét xử bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

Người bị hại là chị Hoàng Thị L đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào Điều 2 và Điều 6 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc Q 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/3/2023).

2. Giao bị cáo Trần Ngọc Q cho Ủy ban nhân dân xã NS, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào **điểm a khoản 1 Điều 23** của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Trần Ngọc Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/3/2023).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện NS;
- CQCSĐT Công an huyện NS;
- Chi cục THADS huyện NS;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo, Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khải Hoàng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Khánh Nguyễn Ngọc Sơn

Nguyễn Khải Hoàng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khải Hoàng

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao

bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục như đề nghị của Viện kiểm sát cũng có tác dụng răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 5 Điều 65; Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Công Q;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 [Bộ luật Hình sự](#); [Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP](#) ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với bị cáo Võ Đại Thanh T;

Tuyên bố bị cáo Võ Công Q, Võ Đại Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Võ Công Q 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt với Bản án số: 01/2020/HSST, Ngày 26/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm, về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo Võ Công Q phải chấp hành hình phạt chung là 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 27/10/2021.

Xử phạt bị cáo Võ Đại Thanh T 02 (Hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Võ Đại Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã LB, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Võ Đại Thanh T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã LB, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 [Luật thi hành án hình sự](#).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 [Bộ luật tố tụng hình sự](#); [Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Võ Công Q và bị cáo Võ Đại Thanh T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung [Luật thi hành án dân sự năm 2014](#), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 [Luật thi hành án dân sự](#).

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong hạn 15

ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.